

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 277/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/11/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trùng Dương và ông Đỗ Quang Huy

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX/HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; HKTT: Thôn B, xã M, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1987; HKTT: Thôn B, xã M, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; Hiện đang thụ hình tại Đội 32, Phân trại 1, Trại giam số 3 Thanh Phong.

Chị H có mặt, anh D đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn B, xã M, huyện Phú Xuyên ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, phía anh D không tu chí làm ăn, không chăm lo được gia đình con cái. Mâu thuẫn trầm trọng sau khi chị sinh con được mấy tháng thì anh D vi phạm pháp luật và phải đi tù từ năm 2012 đến năm 2015 về tội Trộm cắp tài sản. Sau khi mãn hạn tù, anh D không chịu sửa đổi, tiếp tục vi phạm pháp luật nên năm 2016 bị bắt và bị phạt 10 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện anh D đang thụ án tại trại giam Thanh Phong, Nghệ An. Trong 11 năm kết

hôn thì có tới 09 năm anh D ở tù, một mình chị phải gánh vác công việc gia đình và chăm sóc con cái.

Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã quá lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên chị có đơn đề nghị được ly hôn anh D.

Con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Văn K sinh ngày 30/11/2011. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa xét.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Văn D trình bày:

Anh D xác nhận điều kiện kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Thừa nhận bản thân vi phạm pháp luật, có lỗi với vợ con, không biết ngày trở về... nên trong thời gian ở trong trại anh đã gửi thư về bảo chị H làm đơn ly hôn anh để tự giải thoát. Nay chị H có đơn ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn chị H để giải phóng cho cả hai bên.

Con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Văn K sinh ngày 30/11/2011. Ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đề nghị tạm miễn cấp dưỡng nuôi con vì anh đang ở tù không có điều kiện cấp dưỡng.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã M nơi cư trú của các đương sự có quan điểm:

Mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, hôn nhân tồn tại chỉ còn là hình thức nên việc giải quyết cho ly hôn là để giải phóng cho cả hai bên là cần thiết; do anh D đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù, không có điều kiện chăm sóc con chung nên đề nghị giao con chung là Phạm Văn K sinh ngày 30/11/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời tạm miễn việc góp phí tồn nuôi con cho anh D.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Cả đương sự vắng mặt và đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; Giao con chung là Phạm Văn K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D đến khi có sự thay đổi theo qui

định của pháp luật; Về tài sản chung và công nợ: Các bên đều không yêu cầu xem xét nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có nơi thường trú trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Tháng 7/2011 chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Phạm Văn D, đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Phú Xuyên. Sau khi cưới, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và không hòa hợp tính cách. Hơn nữa, việc anh D không chăm lo cho gia đình và liên tục vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành hình phạt tù trong thời gian dài càng khiến tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên xa cách và khó có cơ hội hàn gắn. Sau khi chị H có đơn ly hôn, phía anh D cũng xác nhận mình chính là nguyên nhân làm tan vỡ hạnh phúc gia đình và đồng ý ly hôn chị H. Tại phiên toà hôm nay, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn D đến nay đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại từ lâu đã chỉ còn là hình thức... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Văn K sinh ngày 30/11/2011 hiện đang ở với chị H. Do chị H đề nghị tiếp tục nuôi con chung, bản thân anh D hiện đang thụ hình tại Trại giam số 3 không có điều kiện chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con... nên giao cháu K cho chị H tiếp tục chăm sóc, giáo dục đồng thời tạm miễn cho anh D việc cấp dưỡng nuôi con là hợp lẽ.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều khẳng định không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; Chị H anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn D.
 2. Về con chung: Giao của chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Phạm Văn K sinh ngày 30/11/2011; tạm miễn tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh D đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.
 3. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị H, anh D đều xác nhận không có tài sản chung, không có công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.
 4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0047956 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí.
- Án xử công khai, sơ thẩm, báo chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.
- Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong

